

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Khung “Chuẩn năng lực nghề nghiệp bác sĩ chuyên khoa”

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ kết quả thẩm định Khung chuẩn năng lực nghề nghiệp bác sĩ chuyên khoa tại Biên bản họp thẩm định ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng thẩm định được thành lập tại Quyết định số 2051/QĐ-BYT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế tại công văn số 4719/ĐHYD-ĐTSDH ngày 29 tháng 7 năm 2026 về việc báo cáo hoàn thiện dự thảo Khung chuẩn năng lực nghề nghiệp bác sĩ chuyên khoa theo góp ý của Hội đồng thẩm định ngày 21 tháng 7 năm 2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt ban hành kèm theo Quyết định này Khung “Chuẩn năng lực nghề nghiệp bác sĩ chuyên khoa”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo; Thủ trưởng các Vụ, Cục có liên quan thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố; Thủ trưởng Y tế các bộ, ngành; Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học có đào tạo sau đại học ngành bác sĩ và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Hội đồng Y khoa Quốc gia;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế;
- Lưu: VT, K2ĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Tri Thức

KHUNG CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP BÁC SĨ CHUYÊN KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2026 của Bộ Y tế)

Phần một GIỚI THIỆU CHUNG

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, y tế thế giới cũng như ở Việt Nam có những chuyển biến sâu sắc cả về nền tảng khoa học, mô hình thực hành và cách thức tổ chức hệ thống chăm sóc sức khỏe. Một trong những đặc điểm nổi bật là sự phát triển mạnh mẽ của y học chứng cứ (Evidence-Based Medicine). Bên cạnh đó, sự trỗi dậy của y học chính xác, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu y tế và công nghệ số, các mô hình chăm sóc sức khỏe mới, sự dịch chuyển mô hình bệnh tật toàn cầu với sự nổi trội của các bệnh không lây nhiễm, sự thay đổi của cấu trúc dân số, y học hiện đại ngày càng mang tính toàn cầu hóa và liên ngành đã và đang làm thay đổi phương thức đào tạo cũng như hành nghề y khoa.

Tại Việt Nam, Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2024) là dấu mốc pháp lý quan trọng trong việc điều chỉnh toàn diện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trong bối cảnh đổi mới hệ thống y tế. Luật Khám bệnh, chữa bệnh hướng tới chuẩn hóa năng lực hành nghề, nâng cao chất lượng dịch vụ và bảo đảm an toàn người bệnh. Luật nhấn mạnh nguyên tắc hành nghề dựa trên năng lực, đồng thời cũng quy định rõ hệ thống phân cấp chuyên môn kỹ thuật và đánh giá năng lực người hành nghề. Việc công nhận, phân loại trình độ chuyên môn không chỉ dựa vào văn bằng mà còn gắn với năng lực thực hành nghề nghiệp thực tế. Luật còn có ý nghĩa quan trọng đối với đào tạo nhân lực y tế. Việc gắn kết đào tạo, cấp phép hành nghề và sử dụng nhân lực theo năng lực đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục y khoa theo hướng đào tạo dựa trên năng lực.

Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025 định hướng tổ chức, quản lý và chuẩn hóa đào tạo chuyên khoa trong lĩnh vực y tế. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và ban hành Khung chuẩn năng lực nghề nghiệp (NLNN) bác sĩ chuyên khoa (BSCK) là yêu cầu cấp thiết, vừa nhằm cụ thể hóa chủ trương đổi mới giáo dục y khoa theo định hướng dựa trên năng lực, vừa làm cơ sở thống nhất cho xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT), lượng giá người học, bảo đảm chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ nhân lực y tế trong giai đoạn mới.

2. Sự cần thiết của Khung chuẩn năng lực nghề nghiệp bác sĩ chuyên khoa

Việc ban hành Khung chuẩn năng lực nghề nghiệp BSCK nhằm:

- Làm tài liệu tham chiếu để đổi mới toàn diện CTĐT bác sĩ nội trú (BSNT), BSCK theo hướng tích hợp, lấy người học làm trung tâm; đồng thời

đồng bộ hóa công tác quản lý, giám sát sát hạch, cấp giấy phép hành nghề, phân công vị trí việc làm và phát triển nghề nghiệp liên tục tại các cơ sở y tế.

- Xác định chuẩn đầu ra và tiêu chí đánh giá năng lực hành nghề cốt lõi theo các tiêu chuẩn năng lực tối thiểu, có tính thực tiễn và đo lường được, làm thước đo đối với BSCK sau tốt nghiệp nhằm bảo đảm năng lực hành nghề an toàn, chuyên nghiệp và hiệu quả.

- Nâng cao kiến thức và tay nghề của đội ngũ BSCK, bảo đảm cung ứng dịch vụ y tế có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo sau đại học các ngành bác sĩ: Sử dụng làm căn cứ để xây dựng, rà soát và cập nhật CTĐT chuyên khoa (bao gồm BSNT, BSCK); xác định chuẩn đầu ra, nội dung giảng dạy và phương pháp đánh giá năng lực chuyên sâu theo từng chuyên ngành.

- Nhằm định hướng học tập, rèn luyện kỹ năng thực hành trong chuyên khoa và phát triển năng lực ra quyết định lâm sàng tại bệnh viện thực hành của học viên BSCK.

- Các cơ sở thực hành, bệnh viện và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Sử dụng làm căn cứ để tổ chức, hướng dẫn, giám sát và đánh giá quá trình thực hành lâm sàng, bảo đảm bác sĩ/người học đạt các NLNN theo yêu cầu của chuyên khoa.

- Sau khi tốt nghiệp CTĐT BSNT, BSCK, học viên có thể sử dụng làm bộ tiêu chuẩn để tự đánh giá, liên tục bồi dưỡng và tiếp tục hoàn thiện các kỹ thuật chuyên khoa chuyên sâu, nhằm bảo đảm chất lượng điều trị, an toàn người bệnh trong lĩnh vực phụ trách.

- Làm căn cứ để thẩm định, phê duyệt CTĐT chuyên khoa của Bộ Y tế đối với các cơ sở giáo dục đại học và là cơ sở để xây dựng khung đánh giá năng lực phục vụ cấp giấy phép hành nghề chuyên khoa cũng như kiểm định cơ sở giáo dục.

3. Cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý xây dựng Khung chuẩn năng lực nghề nghiệp bác sĩ chuyên khoa

3.1. Cơ sở lý luận

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 12/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.2. Cơ sở pháp lý

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023.
- Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khung năng lực số cho người học.
- Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
- Khung chuẩn năng lực nghề nghiệp bác sĩ:
 - + Quyết định số 3450/QĐ-BYT ngày 26/12/2022 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của bác sĩ Răng Hàm Mặt”;
 - + Quyết định số 3159/QĐ-BYT ngày 23/11/2022 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của bác sĩ Y học cổ truyền Việt Nam”;
 - + Quyết định số 2755/QĐ-BYT ngày 28/8/2025 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực nghề nghiệp của bác sĩ Y học dự phòng Việt Nam”;
 - + Quyết định số 2066/QĐ-BYT ngày 07/7/2026 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực nghề nghiệp của bác sĩ Y khoa”.
- Khung năng lực/chuẩn nghề nghiệp bác sĩ của một số quốc gia trên thế giới:
 - + CanMEDS Physician Competency Framework (Canada);
 - + ACGME Core Competencies (Hoa Kỳ);
 - + Hướng dẫn Good medical practice 2024 của GMC (Vương Quốc Anh);
 - + Tham khảo khung năng lực/chuẩn nghề nghiệp của một số nước trong khu vực: Thái Lan, Singapore, Malaysia;
 - + Y học cổ truyền: tham khảo Trung Quốc, Hàn Quốc;
 - + Răng Hàm Mặt: CODA (Commission on Dental Accreditation), Hoa Kỳ.

4. Quá trình xây dựng

Quá trình rà soát, xây dựng được triển khai theo kế hoạch của Bộ trưởng Bộ Y tế, bảo đảm tiếp cận dựa trên bằng chứng và có sự tham gia của các bên liên quan thông qua các bước, cụ thể như sau:

Bước 1: Thành lập Ban soạn thảo và tổ chuyên môn

Ban soạn thảo và tổ chuyên môn xây dựng Khung chuẩn NLNN BSCK gồm các chuyên gia giáo dục, giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy BSNT,

BSCK, nhà quản lý giáo dục và có sự tham vấn của các cơ quan quản lý y tế.

Bước 2: Tổng quan tài liệu

Ban soạn thảo và tổ chuyên môn tổ chức rà soát, nghiên cứu và tham khảo toàn diện các chuẩn NLNN hiện hành; đối sánh, tham chiếu với các khung NLNN quốc tế có uy tín (CanMEDS, ACGME, GMC,...) và CTĐT BSCK tương ứng.

Bước 3: Đề xuất Khung chuẩn NLNN BSCK và lấy ý kiến các cá nhân, tổ chức liên quan

Dựa trên kết quả tổng quan tài liệu và khảo sát ý kiến từ các cơ sở đào tạo, Ban soạn thảo và Tổ chuyên môn đã xây dựng và hoàn thiện dự thảo ban đầu Khung chuẩn NLNN của BSCK.

Bước 4: Xác nhận Khung chuẩn NLNN bác sĩ chuyên khoa

Khung chuẩn NLNN BSCK trước khi đề xuất ban hành được tổ chức thảo luận và xin ý kiến tham vấn từ các cơ sở đào tạo, bệnh viện; Sở Y tế tỉnh, thành phố; nhóm chuyên gia, nhà quản lý giáo dục, các hiệp hội hành nghề trên cả nước, cụ thể:

- Ngày 05/6/2026: Tổ chức tham vấn ý kiến trực tiếp từ các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe.

- Ngày 09/6/2026: Tổ chức Hội thảo khu vực miền Bắc tại Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

- Ngày 13/6/2026: Tổ chức Hội thảo khu vực miền Nam tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 19/6/2026: Lấy ý kiến các đơn vị liên quan bằng văn bản (công văn số 1600/K2ĐT-ĐT của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo).

Bước 5: Nghiệm thu và ban hành

Ban soạn thảo đã tiếp thu, giải trình, phân tích và chỉnh lý dự thảo trên cơ sở tổng hợp toàn bộ ý kiến đóng góp. Bộ trưởng Bộ Y tế đã thành lập Hội đồng thẩm định dự thảo theo Quyết định số 2051/QĐ-BYT ngày 07/7/2026. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định vào ngày 21/7/2026, Ban soạn thảo đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ chính thức trình Lãnh đạo Bộ Y tế xem xét, phê duyệt và ban hành.

5. Một số khái niệm

- Năng lực (*Competence*): Là tổng hợp các thuộc tính của mỗi cá nhân, đáp ứng yêu cầu của hoạt động và đảm bảo cho hoạt động đạt kết quả cao.

- Khung năng lực (*Capability framework*): Là cấu trúc hệ thống các nhóm năng lực, xác định thành tố và biểu hiện hành vi tương ứng, làm cơ sở cho xây dựng CTĐT, tổ chức đánh giá và phát triển nghề nghiệp.

- Năng lực nghề nghiệp (*Professional competency*): Là trình độ sử dụng

kiến thức, kỹ năng, thái độ và khả năng phán đoán trong nghề, khả năng xử lý các tình huống có thể xảy ra khi hành nghề. Ở mỗi nghề nghiệp khác nhau sẽ có những yêu cầu cụ thể khác nhau nhưng năng lực nghề nghiệp đều được cấu thành bởi 4 thành tố: kiến thức chuyên môn, kỹ năng, tinh thần trách nhiệm và thái độ hành nghề chuyên nghiệp.

Năng lực và năng lực nghề nghiệp không cố định mà không ngừng được hình thành và phát triển thông qua học tập, lao động tích cực, thực hành rèn luyện chuyên môn. Trong quá trình hành nghề, các bác sĩ không ngừng học hỏi để phát triển năng lực mới phù hợp với nhiệm vụ được giao. Năng lực nghề nghiệp có thể được phân chia thành năng lực cốt lõi và năng lực chuyên môn. Mỗi hoạt động nghề nghiệp đều cần bốn năng lực cơ bản: năng lực cá nhân, năng lực chuyên môn, năng lực quản lý và năng lực xã hội.

- **Bác sĩ chuyên khoa (*Specialist doctor*):** Sau khi tốt nghiệp các CTĐT bác sĩ (Y khoa, Răng Hàm Mặt, Y học cổ truyền và Y học dự phòng) tiếp tục tham gia CTĐT sau đại học (BSNT ngay sau khi tốt nghiệp đại học hoặc BSCK sau khi có giấy phép hành nghề) thuộc lĩnh vực sức khỏe nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn và năng lực thực hành nghề nghiệp theo từng chuyên ngành. Sau khi hoàn thành CTĐT BSCK, người học được cấp văn bằng BSNT hoặc BSCK.

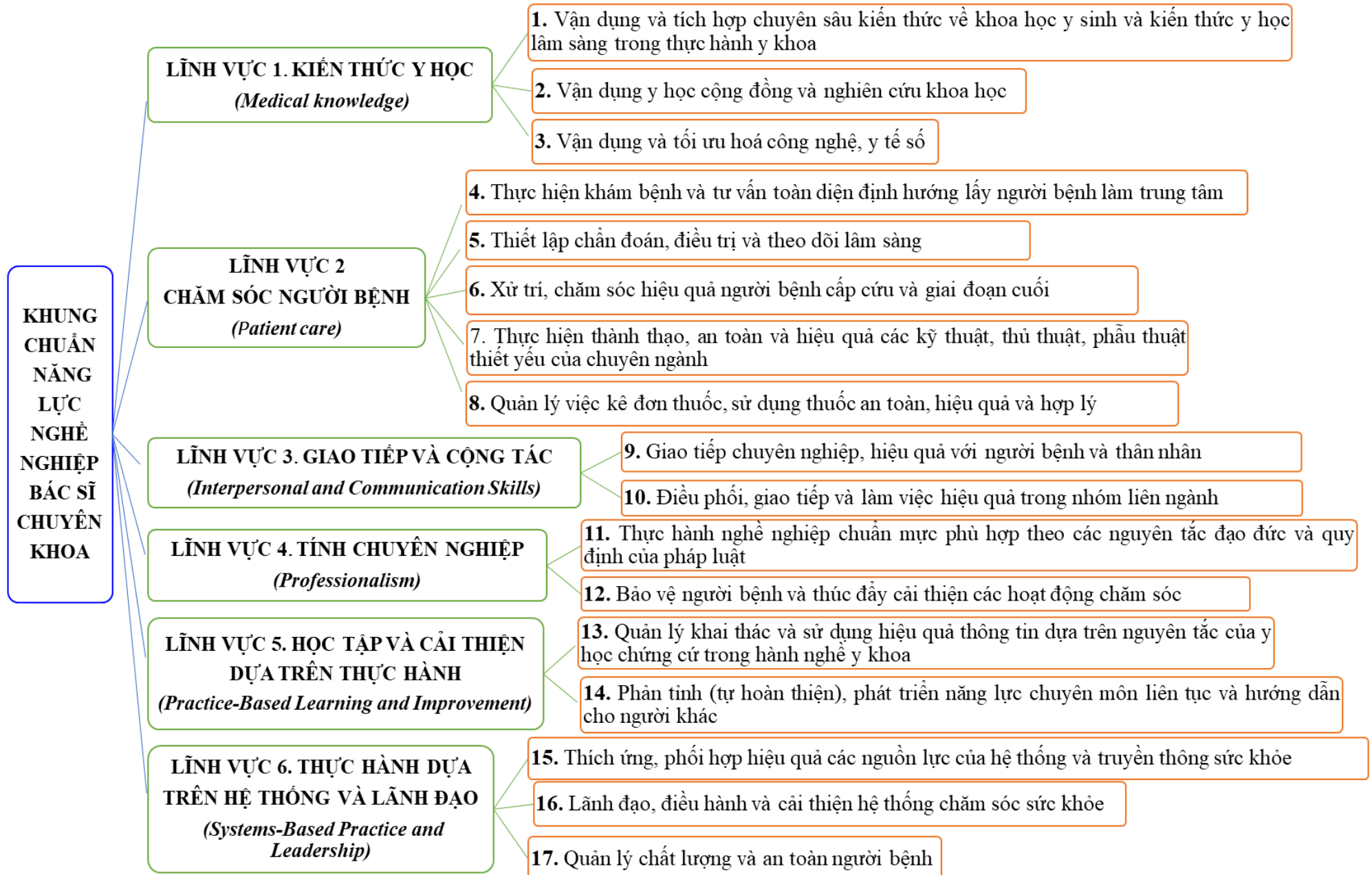
6. Tóm tắt nội dung Khung chuẩn năng lực nghề nghiệp bác sĩ chuyên khoa

Khung chuẩn năng lực nghề nghiệp BSCK bao gồm:

- **06** lĩnh vực chính:

- (1) Kiến thức y học
- (2) Chăm sóc người bệnh
- (3) Giao tiếp và cộng tác
- (4) Tính chuyên nghiệp
- (5) Học tập và cải thiện dựa trên thực hành
- (6) Thực hành dựa trên hệ thống và lãnh đạo

- **17** tiêu chuẩn năng lực, **41** tiêu chí trong đó mỗi tiêu chuẩn được cụ thể hóa từ 1 đến 3 tiêu chí, mô tả hoạt động có thể đo lường được tùy thuộc vào chuyên khoa.



Phần hai
NỘI DUNG KHUNG CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP
BÁC SĨ CHUYÊN KHOA

I. KHUNG CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NGÀNH Y KHOA

Lĩnh vực 1. Kiến thức y học (Medical Knowledge)

Vận dụng kiến thức về khoa học y sinh, y học lâm sàng, y tế công cộng, công nghệ số và nghiên cứu khoa học trong việc giải thích bệnh học, chẩn đoán, ra quyết định lâm sàng trong việc chăm sóc người bệnh.

Tiêu chuẩn 1. Vận dụng và tích hợp chuyên sâu kiến thức về khoa học y sinh và kiến thức y học lâm sàng trong thực hành y khoa

1. Tiêu chí 1.1. Tích hợp và vận dụng chuyên sâu kiến thức nền tảng về khoa học y sinh, bệnh học, dược lâm sàng trong nhận diện và đánh giá tình trạng người bệnh.

2. Tiêu chí 1.2. Phân tích nguyên tắc và kết quả các quy trình khám, xét nghiệm cận lâm sàng để phân tích bệnh học và xác lập chẩn đoán chính xác.

3. Tiêu chí 1.3. Vận dụng kiến thức y học, nguyên lý y học gia đình trong lập kế hoạch điều trị và quản lý bệnh an toàn, hiệu quả, phù hợp với từng người bệnh và bối cảnh gia đình - xã hội.

Tiêu chuẩn 2. Vận dụng y học cộng đồng và nghiên cứu khoa học

4. Tiêu chí 2.1. Thiết kế, triển khai nghiên cứu khoa học, phân tích và diễn giải có hệ thống các bằng chứng y học.

5. Tiêu chí 2.2. Phân tích, vận dụng các khái niệm dịch tễ học, xác định yếu tố nguy cơ, yếu tố bảo vệ, mối liên quan với bệnh tật và đề xuất chiến lược dự phòng cho cá nhân và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 3. Vận dụng và tối ưu hóa công nghệ, y tế số trong thực hành y khoa

6. Tiêu chí 3.1. Tích hợp và khai thác hiệu quả các công cụ y tế số, trí tuệ nhân tạo (AI) và hệ thống hỗ trợ ra quyết định lâm sàng trong chẩn đoán, bảo đảm tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để tối ưu hóa quy trình điều trị và thích ứng với xu hướng chuyển đổi số.

7. Tiêu chí 3.2. Khai thác, quản lý và bảo mật dữ liệu y tế điện tử phục vụ chăm sóc người bệnh và nghiên cứu khoa học.

Lĩnh vực 2. Chăm sóc người bệnh (Patient Care)

Thực hiện chăm sóc và quản lý người bệnh một cách toàn diện, an toàn, hiệu quả, dựa trên bằng chứng khoa học, lấy người bệnh làm trung tâm, phù hợp với bối cảnh lâm sàng và phạm vi hành nghề của BSCK.

Tiêu chuẩn 4. Thực hiện khám bệnh và tư vấn toàn diện định hướng lấy người bệnh làm trung tâm

8. Tiêu chí 4.1. Thực hiện khám bệnh và cung cấp thông tin một cách khoa học, minh bạch và có trách nhiệm; thể hiện sự tôn trọng, thấu cảm và tác phong chuyên nghiệp, bảo đảm nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm.

9. Tiêu chí 4.2. Chỉ định hợp lý các xét nghiệm cận lâm sàng phù hợp; phân tích, đối chiếu và diễn giải chính xác kết quả khám lâm sàng, xét nghiệm và thăm dò chức năng.

10. Tiêu chí 4.3. Hỗ trợ và chăm sóc toàn diện cho người bệnh về tâm lý, thể chất, tinh thần và xã hội một cách phù hợp, an toàn trong suốt quá trình chẩn đoán và lựa chọn phương pháp điều trị.

Tiêu chuẩn 5. Thiết lập chẩn đoán, điều trị và theo dõi lâm sàng

11. Tiêu chí 5.1. Thiết lập chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt chính xác các bệnh lý thuộc chuyên ngành.

12. Tiêu chí 5.2. Thiết lập và quản lý hồ sơ chăm sóc sức khỏe đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; thực hiện điều trị và chăm sóc dựa trên nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm.

13. Tiêu chí 5.3. Phân tích các nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn người bệnh; xây dựng và thực hiện các chiến lược phòng ngừa sai sót, đồng thời ghi nhận và báo cáo kịp thời các sự cố, tai biến theo quy định pháp luật.

Tiêu chuẩn 6. Xử trí, chăm sóc hiệu quả người bệnh cấp cứu và giai đoạn cuối

14. Tiêu chí 6.1. Nhận diện sớm, xử trí chính xác các tình trạng cấp cứu thuộc chuyên khoa; tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình chuyên môn nhằm bảo đảm an toàn và hiệu quả trong chăm sóc người bệnh cấp cứu.

15. Tiêu chí 6.2. Tuân thủ nghiêm ngặt và triển khai hiệu quả các nguyên tắc, quy trình phòng ngừa, cách ly và kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hiện thủ thuật và mọi hoạt động chăm sóc.

16. Tiêu chí 6.3. Đánh giá tiên lượng bệnh và phối hợp hiệu quả với người bệnh, người nhà trong các tình huống bệnh nặng hoặc giai đoạn cuối để lựa chọn phương án điều trị phù hợp; cân nhắc các can thiệp dựa trên nguyên tắc đạo đức y học và quy định pháp luật, đồng thời bảo đảm chuyển tuyến kịp thời và chính xác khi cần thiết.

Tiêu chuẩn 7. Thực hiện thành thạo, an toàn và hiệu quả các kỹ thuật, thủ thuật, phẫu thuật thiết yếu của chuyên ngành

17. Tiêu chí 7.1. Thực hiện thành thạo, đúng quy trình các kỹ thuật, thủ thuật và phẫu thuật thiết yếu trong phạm vi chuyên môn; tuân thủ quy định của Bộ Y tế, bảo đảm an toàn tối đa cho người bệnh và nhân viên y tế.

Tiêu chuẩn 8. Quản lý việc kê đơn thuốc, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả và hợp lý

18. Tiêu chí 8.1. Kê đơn thuốc dựa trên bằng chứng khoa học, bảo đảm tính an toàn, hiệu quả, hợp lý và hợp pháp; đồng thời giải thích rõ ràng cho người bệnh và người nhà, nhận thức đầy đủ về nguy cơ và hậu quả của việc sử dụng thuốc không phù hợp.

Lĩnh vực 3. Giao tiếp và cộng tác (Interpersonal and Communication Skills)

Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; phối hợp với nhóm chăm sóc sức khỏe đa ngành nhằm bảo đảm chất lượng chăm sóc và an toàn người bệnh.

Tiêu chuẩn 9. Giao tiếp chuyên nghiệp, hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh

19. Tiêu chí 9.1. Giao tiếp rõ ràng và phù hợp với người bệnh, người nhà và người chăm sóc; sử dụng ngôn ngữ trong khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật; bảo đảm bí mật thông tin người bệnh và xử lý phù hợp các phản ứng tâm lý, cảm xúc của người bệnh và người nhà người bệnh trong các bối cảnh kinh tế - xã hội, văn hóa khác nhau.

20. Tiêu chí 9.2. Thực hiện tư vấn hiệu quả cho người bệnh và người nhà người bệnh về tình trạng bệnh tật, phương pháp điều trị nhằm tối ưu hóa sự hợp tác và tuân thủ điều trị.

Tiêu chuẩn 10. Điều phối, giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm liên ngành

21. Tiêu chí 10.1. Phối hợp hiệu quả và chặt chẽ với đồng nghiệp cùng các bên liên quan trong chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh, bảo đảm tính toàn diện, liên tục, an toàn và hiệu quả.

22. Tiêu chí 10.2. Chủ động trao đổi chuyên môn, nhận diện sớm các trường hợp vượt quá năng lực cá nhân để kịp thời tham vấn hoặc chuyển tuyến.

23. Tiêu chí 10.3. Tuân thủ nghiêm túc nguyên tắc hội chẩn, triển khai đầy đủ, chính xác các quyết định hội chẩn nhằm tối ưu hóa chất lượng điều trị và an toàn người bệnh.

Lĩnh vực 4. Tính chuyên nghiệp (Professionalism)

Có thái độ chuyên nghiệp trong thực hành y khoa, tận tâm với nghề nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, trách nhiệm xã hội và xây dựng, phát huy sự tin cậy của cộng đồng.

Tiêu chuẩn 11. Thực hành nghề nghiệp chuẩn mực phù hợp theo các nguyên tắc đạo đức và quy định của pháp luật

24. Tiêu chí 11.1. Thực hành y khoa, đào tạo và nghiên cứu khoa học tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc đạo đức y học và hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành; luôn đặt an toàn, quyền lợi và sự hài lòng của người bệnh làm trung tâm.

25. Tiêu chí 11.2. Hành nghề đúng phạm vi chuyên môn được cấp phép; nhận diện rõ giới hạn năng lực cá nhân và chủ động tìm kiếm hỗ trợ hoặc giám sát khi cần thiết; đồng thời duy trì và quản lý tốt sức khỏe thể chất và tinh thần nhằm bảo đảm năng lực hành nghề an toàn, bền vững.

26. Tiêu chí 11.3. Bảo mật thông tin người bệnh, chỉ cung cấp khi có sự đồng ý hoặc theo quy định pháp luật, tôn trọng quyền riêng tư và quyền tự quyết của người bệnh.

Tiêu chuẩn 12. Bảo vệ người bệnh và thúc đẩy cải thiện chất lượng các hoạt động chăm sóc

27. Tiêu chí 12.1. Tôn trọng và bảo đảm quyền tiếp cận công bằng đối với dịch vụ y tế cho mọi người bệnh, không phân biệt điều kiện kinh tế, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, giới tính hay độ tuổi; góp phần thúc đẩy quyền được chăm sóc sức khỏe trong cộng đồng.

28. Tiêu chí 12.2. Thể hiện và lan tỏa giá trị nghề nghiệp của người thầy thuốc thông qua năng lực chuyên môn vững vàng, tinh thần trách nhiệm xã hội, tác phong chuyên nghiệp, lối sống lành mạnh và văn hóa giao tiếp chuẩn mực; qua đó củng cố niềm tin của cộng đồng đối với ngành y.

29. Tiêu chí 12.3. Chủ động phát hiện, phản ánh và báo cáo các hành vi vi phạm chuyên môn hoặc đạo đức nghề nghiệp theo đúng quy định pháp luật; đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân về tính trung thực và độ chính xác của các báo cáo.

Lĩnh vực 5. Học tập và cải thiện dựa trên thực hành (Practice-Based Learning and Improvement)

Vận dụng y học chứng cứ trong khám bệnh, đánh giá và cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh, tiếp thu sử dụng các bằng chứng khoa học, học tập suốt đời để cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh.

Tiêu chuẩn 13. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin dựa trên nguyên tắc của y học chứng cứ trong hành nghề y khoa

30. Tiêu chí 13.1. Thu thập, đánh giá, vận dụng các nguồn thông tin y học đáng tin cậy, có giá trị khoa học nhằm hỗ trợ ra quyết định lâm sàng và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

31. Tiêu chí 13.2. Quản lý, khai thác và bảo mật tài liệu, thông tin trong hồ sơ bệnh án và các hệ thống lưu trữ một cách đầy đủ, chính xác, phù hợp; bảo đảm tuân thủ các yêu cầu pháp lý trong hành nghề.

Tiêu chuẩn 14. Phản tỉnh (tự hoàn thiện), phát triển năng lực chuyên môn liên tục và hướng dẫn cho người khác

32. Tiêu chí 14.1. Tự đánh giá điểm mạnh, hạn chế và giới hạn chuyên môn; chủ động cập nhật kiến thức y khoa dựa trên bằng chứng, duy trì học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực hành y khoa.

33. Tiêu chí 14.2. Chủ động tham gia, hướng dẫn và đóng góp vào các hoạt động đào tạo, thực hành và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn phù hợp với năng lực; hỗ trợ nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cho đồng nghiệp và người học trong lĩnh vực y khoa.

Lĩnh vực 6. Thực hành dựa trên hệ thống và lãnh đạo (Systems-Based Practice and Leadership)

Vận dụng chính sách, quy trình và nguồn lực trong chăm sóc sức khỏe; tham gia quản lý, điều phối và cải thiện môi trường thực hành nâng cao sức khỏe cộng đồng; góp phần xây dựng hệ thống y tế đáp ứng công tác chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

Tiêu chuẩn 15. Thích ứng, phối hợp hiệu quả các nguồn lực của hệ thống và truyền thông sức khỏe

34. Tiêu chí 15.1. Thích ứng và làm việc hiệu quả trong các môi trường và hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác nhau có liên quan đến chuyên khoa.

35. Tiêu chí 15.2. Xác định và triển khai nội dung truyền thông phù hợp; thực hiện tư vấn và giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao nhận thức, thúc đẩy lối sống lành mạnh, góp phần dự phòng bệnh tật và cải thiện sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

36. Tiêu chí 15.3. Vận dụng hiệu quả các phương tiện và công cụ truyền thông truyền thống, truyền thông số trong thuyết trình, báo cáo, công bố khoa học và truyền tải thông tin y tế một cách chính xác, phù hợp và có trách nhiệm.

Tiêu chuẩn 16. Lãnh đạo, điều hành và cải thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe

37. Tiêu chí 16.1. Tham gia điều phối và tăng cường hiệu quả hoạt động chăm sóc trong nhóm liên ngành; góp phần tối ưu hóa quy trình và nâng cao chất lượng phối hợp trong chăm sóc người bệnh.

38. Tiêu chí 16.2. Vận dụng kiến thức về hệ thống y tế và chính sách bảo hiểm y tế để chỉ định cận lâm sàng và có kế hoạch điều trị hợp lý, tối ưu hóa chi phí cho người bệnh và hệ thống.

39. Tiêu chí 16.3. Chủ động tham gia, đề xuất và thúc đẩy các hoạt động cải tiến chất lượng, đổi mới quy trình và phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe dựa trên bằng chứng khoa học.

Tiêu chuẩn 17. Quản lý chất lượng và an toàn người bệnh

40. Tiêu chí 17.1. Vận dụng các nguyên lý quản lý rủi ro trong thực hành; tham gia xây dựng, đánh giá và cải tiến quy trình chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

41. Tiêu chí 17.2. Nhận diện, phân tích và kiểm soát các nguy cơ, sai sót y khoa; triển khai các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, góp phần xây dựng văn hóa an toàn người bệnh mang tính hệ thống.

II. KHUNG CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NGÀNH RĂNG HÀM MẶT

Lĩnh vực 1. Kiến thức y học (Medical Knowledge)

Vận dụng kiến thức về khoa học y sinh, y học lâm sàng, y tế công cộng, công nghệ số và nghiên cứu khoa học trong việc giải thích bệnh học, chẩn đoán, ra quyết định lâm sàng trong việc chăm sóc người bệnh.

Tiêu chuẩn 1. Vận dụng và tích hợp chuyên sâu kiến thức về khoa học y sinh và kiến thức y học lâm sàng trong thực hành chuyên khoa Răng Hàm Mặt

1. Tiêu chí 1.1. Tích hợp và vận dụng chuyên sâu kiến thức nền tảng về khoa học y sinh liên quan đến vùng răng, miệng, hàm, mặt và đầu cổ trong thực hành lâm sàng.

2. Tiêu chí 1.2. Phân tích và luận giải các nguyên tắc khám Răng Hàm Mặt; chỉ định, chống chỉ định và quy trình thực hiện các kỹ thuật lâm sàng và cận lâm sàng.

3. Tiêu chí 1.3. Vận dụng kiến thức chuyên ngành để chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị toàn diện, an toàn, hiệu quả, phù hợp với từng người bệnh.

Tiêu chuẩn 2. Vận dụng y học cộng đồng và nghiên cứu khoa học

4. Tiêu chí 2.1. Thiết kế, triển khai nghiên cứu khoa học và diễn giải các bằng chứng khoa học trong thực hành chuyên môn.

5. Tiêu chí 2.2. Vận dụng các bằng chứng khoa học vào thực hành lâm sàng, chương trình dự phòng sức khỏe răng miệng cộng đồng.

Tiêu chuẩn 3. Vận dụng và tối ưu hóa công nghệ, y tế số

6. Tiêu chí 3.1. Ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị, quản lý hồ sơ bệnh án và vận hành hệ thống hỗ trợ quyết định lâm sàng.

7. Tiêu chí 3.2. Khai thác và sử dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo để tìm kiếm, tổng hợp y văn phục vụ cho học tập, nghiên cứu trong chuyên ngành Răng Hàm Mặt.

Lĩnh vực 2. Chăm sóc người bệnh (Patient Care)

Thực hiện chăm sóc và quản lý người bệnh một cách toàn diện, an toàn, hiệu quả, dựa trên bằng chứng khoa học, lấy người bệnh làm trung tâm, phù hợp với bối cảnh lâm sàng và phạm vi hành nghề của bác sĩ chuyên khoa

Tiêu chuẩn 4. Thực hiện khám bệnh và tư vấn toàn diện định hướng lấy người bệnh làm trung tâm

8. Tiêu chí 4.1. Thực hiện khám bệnh Răng Hàm Mặt một cách hệ thống, chuẩn xác, toàn diện và phù hợp với từng người bệnh.

9. Tiêu chí 4.2. Triển khai hoạt động khám bệnh theo định hướng lấy người bệnh làm trung tâm; cung cấp, trao đổi thông tin sức khỏe rõ ràng và dễ

hiểu với người bệnh, người nhà và đồng nghiệp nhằm tạo sự đồng thuận và hợp tác trong quá trình điều trị.

10. Tiêu chí 4.3. Tích hợp dữ liệu cận lâm sàng để xác lập chẩn đoán chính xác, bảo đảm điều trị Răng Hàm Mặt an toàn và hiệu quả.

Tiêu chuẩn 5. Thiết lập chẩn đoán, điều trị và theo dõi lâm sàng

11. Tiêu chí 5.1. Xác lập chính xác chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt các bệnh lý thuộc chuyên ngành.

12. Tiêu chí 5.2. Thiết lập, quản lý và cập nhật hồ sơ chăm sóc sức khỏe đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; nhận diện, ghi nhận và báo cáo kịp thời các sự cố, tai biến theo quy định pháp luật.

13. Tiêu chí 5.3. Thiết lập và điều phối lộ trình quản lý, theo dõi dài hạn đối với các ca bệnh phức tạp, bảo đảm tính liên tục và kết nối thông tin giữa các giai đoạn điều trị.

Tiêu chuẩn 6. Xử trí, chăm sóc hiệu quả người bệnh cấp cứu và giai đoạn cuối

14. Tiêu chí 6.1. Nhận diện sớm, xử trí chính xác các tình trạng cấp cứu thuộc chuyên khoa; tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình chuyên môn nhằm bảo đảm an toàn và hiệu quả trong chăm sóc người bệnh cấp cứu.

15. Tiêu chí 6.2. Đánh giá toàn diện tình trạng người bệnh, đưa ra tiên lượng và quyết định điều trị an toàn, hiệu quả đối với người bệnh nặng hoặc ở giai đoạn cuối.

16. Tiêu chí 6.3. Phối hợp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp trong quá trình ra quyết định điều trị, thông báo tin xấu, hội chẩn và chuyển tuyến bảo đảm phù hợp với đạo đức y học và quy định pháp luật.

Tiêu chuẩn 7. Thực hiện thành thạo, an toàn và hiệu quả các kỹ thuật, thủ thuật, phẫu thuật thiết yếu của chuyên ngành

17. Tiêu chí 7.1. Khai thác và phân tích dữ liệu từ các hệ thống kỹ thuật số nhằm xây dựng và tối ưu hóa kế hoạch điều trị.

18. Tiêu chí 7.2. Thực hiện độc lập và giám sát an toàn các kỹ thuật, thủ thuật và phẫu thuật chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế; thực hiện các nguyên tắc bảo đảm an toàn bức xạ, làm chủ và chủ động giám sát việc thực hiện các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn chuyên biệt tại ghế máy và phòng mổ; bảo đảm tuân thủ đúng phạm vi hành nghề và an toàn tối đa cho người bệnh và nhân viên y tế.

Tiêu chuẩn 8. Quản lý việc kê đơn thuốc, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả và hợp lý

19. Tiêu chí 8.1. Kê đơn và quản lý sử dụng thuốc dựa trên bằng chứng khoa học bảo đảm an toàn, hiệu quả, hợp lý và hợp pháp; trao đổi rõ ràng với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp về nguy cơ và hậu quả của việc sử dụng thuốc không phù hợp.

Lĩnh vực 3. Giao tiếp và cộng tác (Interpersonal and Communication Skills)

Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; phối hợp với nhóm chăm sóc sức khỏe đa ngành nhằm bảo đảm chất lượng chăm sóc và an toàn người bệnh.

Tiêu chuẩn 9. Giao tiếp chuyên nghiệp, hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh

20. Tiêu chí 9.1. Giao tiếp chuyên nghiệp, rõ ràng và phù hợp với người bệnh, người nhà người bệnh trong các bối cảnh kinh tế - xã hội, văn hóa và ngôn ngữ khác nhau; bảo mật thông tin người bệnh theo quy định.

21. Tiêu chí 9.2. Triển khai giáo dục sức khỏe hiệu quả nhằm giúp người bệnh và người nhà hiểu đúng về bệnh tật, biện pháp phòng ngừa và nâng cao sự hợp tác, tuân thủ điều trị.

Tiêu chuẩn 10. Điều phối, giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm liên ngành

22. Tiêu chí 10.1. Tổ chức và điều phối hoạt động trong nhóm đa chuyên khoa và chịu trách nhiệm đối với các quyết định chuyên môn thuộc phạm vi phụ trách.

23. Tiêu chí 10.2. Giao tiếp rõ ràng, chính xác và phù hợp với người bệnh và đồng nghiệp; chủ động tham vấn và phối hợp chuyên môn khi vượt quá phạm vi năng lực cá nhân.

24. Tiêu chí 10.3. Triển khai hội chẩn đúng quy trình; duy trì phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan và cộng đồng nhằm tối ưu hóa chất lượng chăm sóc người bệnh.

Lĩnh vực 4. Tính chuyên nghiệp (Professionalism)

Có thái độ chuyên nghiệp trong thực hành y khoa, tận tâm với nghề nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, trách nhiệm xã hội và xây dựng, phát huy sự tin cậy của cộng đồng.

Tiêu chuẩn 11. Thực hành nghề nghiệp chuẩn mực phù hợp theo các nguyên tắc đạo đức và quy định của pháp luật

25. Tiêu chí 11.1. Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong việc ra quyết định và can thiệp chăm sóc sức khỏe cho người bệnh. Luôn đặt sự an toàn và quyền lợi của người bệnh lên trên hết, dựa trên nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, nhận thức được các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sự an toàn của người bệnh trong hoạt động chăm sóc.

26. Tiêu chí 11.2. Thực hành đúng phạm vi chuyên môn được cấp phép; tuân thủ quy định pháp luật, bảo mật thông tin người bệnh và chủ động tìm kiếm hỗ trợ pháp lý khi cần thiết.

27. Tiêu chí 11.3. Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghiên cứu; quan tâm đến sức khỏe thể chất, tinh thần của bản thân để bảo đảm chất lượng hành nghề bền vững.

Tiêu chuẩn 12. Bảo vệ người bệnh và thúc đẩy cải thiện chất lượng các hoạt động chăm sóc

28. Tiêu chí 12.1. Tôn trọng điều kiện kinh tế, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, văn hóa vùng miền của mỗi cá nhân; thúc đẩy công bằng trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe răng miệng.

29. Tiêu chí 12.2. Thực hiện trách nhiệm xã hội với tác phong chuyên nghiệp, lối sống lành mạnh, văn hóa giao tiếp và ứng xử tốt.

30. Tiêu chí 12.3. Chủ động phát hiện và báo cáo các hành vi vi phạm trong chuyên môn, hành nghề, đạo đức nghề nghiệp với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan của các thông tin đã báo cáo.

Lĩnh vực 5. Học tập và cải thiện dựa trên thực hành (Practice-Based Learning and Improvement)

Vận dụng y học chứng cứ trong khám bệnh, đánh giá và cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh, tiếp thu sử dụng các bằng chứng khoa học, học tập suốt đời để cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh.

Tiêu chuẩn 13. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin dựa trên nguyên tắc của y học chứng cứ trong hành nghề y khoa

31. Tiêu chí 13.1. Thu thập, đánh giá, sử dụng các thông tin trong lĩnh vực Răng Hàm Mặt có giá trị và đáng tin cậy nhằm hỗ trợ ra quyết định lâm sàng và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

32. Tiêu chí 13.2. Quản lý, khai thác và bảo mật tài liệu, thông tin trong hồ sơ bệnh án bảo đảm đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp lý và chuẩn mực nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 14. Phản tỉnh (tự hoàn thiện), phát triển năng lực chuyên môn liên tục và hướng dẫn cho người khác

33. Tiêu chí 14.1. Phân tích năng lực, điểm mạnh và giới hạn về kiến thức và chuyên môn của bản thân để xây dựng kế hoạch học tập và phát triển chuyên môn nghề nghiệp liên tục.

34. Tiêu chí 14.2. Ứng dụng các bằng chứng y học mới từ y văn và cập nhật các kỹ thuật, phác đồ điều trị mới vào quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

35. Tiêu chí 14.3. Sẵn sàng tham gia các hoạt động đào tạo, hướng dẫn thực hành và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn phù hợp với năng lực để nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp cho đồng nghiệp và người học trong lĩnh vực Răng Hàm Mặt.

Lĩnh vực 6. Thực hành dựa trên hệ thống và lãnh đạo (Systems-Based Practice and Leadership)

Vận dụng chính sách, quy trình và nguồn lực trong chăm sóc sức khỏe; tham gia quản lý, điều phối và cải thiện môi trường thực hành nâng cao sức khỏe cộng đồng; góp phần xây dựng hệ thống y tế đáp ứng công tác chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

Tiêu chuẩn 15. Thích ứng, phối hợp hiệu quả các nguồn lực của hệ thống và truyền thông sức khỏe

36. Tiêu chí 15.1. Thích ứng và làm việc hiệu quả trong các môi trường và hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác nhau có liên quan đến chuyên ngành Răng Hàm Mặt.

37. Tiêu chí 15.2. Triển khai và tối ưu hóa các quy trình chuyển đổi số tại phòng khám, khoa chuyên môn; khai thác hiệu quả các phần mềm quản lý nhằm tối ưu hóa nguồn lực và quản trị rủi ro.

Tiêu chuẩn 16. Lãnh đạo, điều hành và cải thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe

38. Tiêu chí 16.1. Phân tích và xác định nhu cầu giáo dục sức khỏe phù hợp cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

39. Tiêu chí 16.2. Triển khai hoạt động tư vấn và giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao nhận thức, thúc đẩy lối sống lành mạnh và phòng ngừa bệnh tật.

Tiêu chuẩn 17. Quản lý chất lượng và an toàn người bệnh

40. Tiêu chí 17.1. Vận dụng các nguyên lý quản lý rủi ro; tham gia xây dựng và cải tiến quy trình chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

41. Tiêu chí 17.2. Nhận diện, phân tích và kiểm soát các nguy cơ, sai sót y khoa; triển khai các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, góp phần xây dựng văn hóa an toàn người bệnh theo tiếp cận hệ thống.

III. KHUNG CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

Lĩnh vực 1. Kiến thức y học (Medical Knowledge)

Vận dụng kiến thức y học cổ truyền, tích hợp với kiến thức y học hiện đại về khoa học y sinh, y học lâm sàng, y tế công cộng và nghiên cứu khoa học để giải thích cơ chế bệnh sinh, thiết lập chẩn đoán và đưa ra quyết định lâm sàng trong chăm sóc người bệnh.

Tiêu chuẩn 1. Vận dụng và tích hợp chuyên sâu kiến thức về khoa học y sinh, y học cổ truyền và kiến thức y học lâm sàng trong thực hành chuyên khoa Y học cổ truyền

1. Tiêu chí 1.1. Tích hợp và vận dụng chuyên sâu kiến thức khoa học y sinh, y học lâm sàng và các nguyên lý y học cổ truyền (âm dương, ngũ hành,

tạng phủ...); khai thác có chọn lọc y văn kinh điển và tài liệu y học cổ truyền phục vụ thực hành chuyên khoa và ra quyết định lâm sàng.

2. Tiêu chí 1.2. Phân tích, luận giải và đánh giá các nguyên tắc, chỉ định, chống chỉ định của các xét nghiệm cận lâm sàng và quy trình khám bệnh trong thực hành chuyên khoa.

3. Tiêu chí 1.3. Tổng hợp và vận dụng kiến thức khoa học y sinh, kiến thức chuyên ngành và biện chứng luận trị để lựa chọn phép điều trị, kê đơn thuốc, xây dựng phương huyết và gia giảm điều trị phù hợp đối với các bệnh thường gặp và bệnh lý phức tạp trong phạm vi chuyên môn; thực hiện điều trị kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại dựa trên bằng chứng nhằm tối ưu hóa hiệu quả điều trị và bảo đảm an toàn cho người bệnh.

Tiêu chuẩn 2. Vận dụng y học cộng đồng và nghiên cứu khoa học

4. Tiêu chí 2.1. Thiết kế, triển khai và đánh giá nghiên cứu khoa học; phân tích và diễn giải các bằng chứng y học phục vụ thực hành chuyên môn.

5. Tiêu chí 2.2. Phân tích và vận dụng các khái niệm dịch tễ học kết hợp với các nguyên lý lý luận y học cổ truyền (âm dương, ngũ hành, tạng phủ, kinh lạc, tinh, khí, thần, huyết, tân dịch, nguyên nhân gây bệnh...) để phòng bệnh, dưỡng sinh và nâng cao sức khỏe bằng các phương pháp y học cổ truyền cho cá nhân và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 3. Vận dụng và tối ưu hóa công nghệ, y tế số

6. Tiêu chí 3.1. Tích hợp và khai thác hiệu quả các công cụ y tế số, trí tuệ nhân tạo (AI) và hệ thống hỗ trợ ra quyết định lâm sàng nhằm tối ưu hóa chẩn đoán, điều trị và thích ứng với chuyển đổi số trong y tế.

7. Tiêu chí 3.2. Quản lý, khai thác và bảo mật dữ liệu y tế điện tử, bảo đảm tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong chăm sóc người bệnh và nghiên cứu khoa học.

Lĩnh vực 2. Chăm sóc người bệnh (Patient Care)

Thực hiện chăm sóc và quản lý người bệnh một cách toàn diện, an toàn, hiệu quả dựa trên bằng chứng khoa học, lấy người bệnh làm trung tâm, phù hợp với bối cảnh lâm sàng và phạm vi hành nghề của bác sĩ chuyên khoa y học cổ truyền.

Tiêu chuẩn 4. Thực hiện khám bệnh và tư vấn toàn diện định hướng lấy người bệnh làm trung tâm

8. Tiêu chí 4.1. Thực hiện khám bệnh đầy đủ, hệ thống và chính xác theo y học hiện đại và y học cổ truyền (tứ chẩn) nhằm bảo đảm đánh giá toàn diện tình trạng người bệnh.

9. Tiêu chí 4.2. Thể hiện tác phong chuyên nghiệp, sự tôn trọng và thấu cảm; thiết lập giao tiếp lấy người bệnh làm trung tâm nhằm cung cấp thông tin sức khỏe rõ ràng, dễ hiểu và tạo sự đồng thuận trong quá trình điều trị.

10. Tiêu chí 4.3. Hỗ trợ toàn diện về tâm lý, thể chất và tinh thần cho người bệnh trong suốt quá trình chẩn đoán và lựa chọn hướng điều trị phù hợp.

Tiêu chuẩn 5. Thiết lập chẩn đoán, điều trị và theo dõi lâm sàng

11. Tiêu chí 5.1. Thực hiện chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt chính xác đối với các bệnh lý thuộc chuyên ngành Y học cổ truyền.

12. Tiêu chí 5.2. Thiết lập, quản lý và cập nhật hồ sơ chăm sóc sức khỏe đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; triển khai điều trị và chăm sóc theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm.

13. Tiêu chí 5.3. Nhận diện, phân tích và kiểm soát các nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn người bệnh; xây dựng và triển khai các chiến lược phòng ngừa sai sót; đồng thời ghi nhận và báo cáo kịp thời các sự cố, tai biến theo quy định pháp luật.

Tiêu chuẩn 6. Xử trí, chăm sóc hiệu quả người bệnh cấp cứu và giai đoạn cuối

14. Tiêu chí 6.1. Nhận diện sớm và xử trí ban đầu các tình trạng cấp cứu; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn; bảo đảm an toàn người bệnh và thực hiện chuyển tuyến hoặc hội chẩn kịp thời khi vượt quá phạm vi chuyên môn.

15. Tiêu chí 6.2. Triển khai chăm sóc giảm nhẹ và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người bệnh thông qua việc tích hợp y học cổ truyền với y học hiện đại nhằm hỗ trợ duy trì khả năng sinh hoạt độc lập.

16. Tiêu chí 6.3. Chủ động nhận diện các trường hợp vượt quá năng lực chuyên môn và thực hiện chuyển tuyến đúng nơi, đúng thời điểm theo quy định.

Tiêu chuẩn 7. Thực hiện thành thạo, an toàn và hiệu quả các kỹ thuật, thủ thuật, phẫu thuật thiết yếu của chuyên ngành

17. Tiêu chí 7.1. Thực hiện thành thạo, chuẩn xác, an toàn các quy trình kỹ thuật, thủ thuật y học cổ truyền (châm cứu, điện châm, thủy châm, giác hơi...); theo quy định của Bộ Y tế và trong phạm vi chuyên môn được cấp phép.

Tiêu chuẩn 8. Quản lý việc kê đơn thuốc, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả và hợp lý

18. Tiêu chí 8.1. Thực hiện kê đơn thuốc theo nguyên tắc an toàn, hợp lý, hiệu quả dựa trên bằng chứng khoa học; đồng thời giải thích, trao đổi rõ ràng với người bệnh, người nhà và đồng nghiệp.

19. Tiêu chí 8.2. Đánh giá và quản lý việc sử dụng dược liệu, vị thuốc và thuốc cổ truyền bảo đảm chất lượng, nguồn gốc, tính xác thực, điều kiện bảo quản và sử dụng hợp lý; nhận diện độc tính, tương tác giữa thuốc y học cổ truyền với thuốc y học hiện đại; thực hiện cảnh giác dược, theo dõi, phát hiện, xử trí và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc theo quy định nhằm bảo đảm an toàn người bệnh.

Lĩnh vực 3. Giao tiếp và cộng tác (Interpersonal and Communication Skills)

Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; phối hợp với nhóm chăm sóc sức khỏe đa ngành nhằm bảo đảm chất lượng chăm sóc và an toàn người bệnh.

Tiêu chuẩn 9. Giao tiếp chuyên nghiệp, hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh

20. Tiêu chí 9.1. Thiết lập và duy trì giao tiếp hiệu quả, phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội và ngôn ngữ của người bệnh; đồng thời bảo đảm bảo mật thông tin người bệnh.

21. Tiêu chí 9.2. Xây dựng, phát triển và duy trì mối quan hệ hợp tác, tin cậy với người bệnh, người nhà và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 10. Điều phối, giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm liên ngành

22. Tiêu chí 10.1. Tổ chức, điều phối hoạt động chăm sóc người bệnh trong nhóm làm việc nhằm bảo đảm an toàn và tối ưu hóa hiệu quả chi phí điều trị.

23. Tiêu chí 10.2. Trao đổi và chia sẻ thông tin lâm sàng chính xác, hiệu quả thông qua lời nói, văn bản và phương tiện điện tử.

24. Tiêu chí 10.3. Chủ động trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp; tuân thủ nguyên tắc hội chẩn và triển khai các quyết định hội chẩn khi vượt quá khả năng chuyên môn.

Lĩnh vực 4. Tính chuyên nghiệp (Professionalism)

Thể hiện thái độ chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, trách nhiệm giải trình và tôn trọng sự khác biệt văn hóa, xã hội.

Tiêu chuẩn 11. Thực hành nghề nghiệp chuẩn mực phù hợp theo các nguyên tắc đạo đức và quy định của pháp luật

25. Tiêu chí 11.1. Thực hành nghề nghiệp tuân thủ các nguyên tắc đạo đức y học và quy định pháp luật; kế thừa và phát huy các giá trị y đức của nền y học cổ truyền Việt Nam; duy trì tính liêm chính, trách nhiệm, ưu tiên quyền lợi và an toàn người bệnh theo định hướng lấy người bệnh làm trung tâm; đồng thời nhận diện, công khai và quản lý phù hợp các xung đột lợi ích trong đào tạo, nghiên cứu và thực hành.

26. Tiêu chí 11.2. Hành nghề đúng phạm vi chuyên môn được cấp phép; nhận diện rõ giới hạn năng lực cá nhân và chủ động tìm kiếm hỗ trợ hoặc giám sát khi cần thiết; đồng thời duy trì sức khỏe thể chất và tinh thần nhằm bảo đảm năng lực hành nghề an toàn, bền vững.

27. Tiêu chí 11.3. Bảo mật thông tin người bệnh; chỉ cung cấp thông tin khi có sự đồng ý hoặc theo quy định pháp luật; tôn trọng quyền riêng tư và quyền tự quyết của người bệnh; tuân thủ nghiêm các chuẩn mực đạo đức và quy

định pháp luật trong truyền thông, thực hành và nghiên cứu y học.

Tiêu chuẩn 12. Bảo vệ người bệnh và thúc đẩy cải thiện chất lượng các hoạt động chăm sóc

28. Tiêu chí 12.1. Tôn trọng sự đa dạng của người bệnh về điều kiện kinh tế, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, giới tính và độ tuổi; bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ y tế và góp phần thúc đẩy quyền được chăm sóc sức khỏe cho mọi đối tượng trong xã hội.

29. Tiêu chí 12.2. Thể hiện và lan tỏa giá trị nghề nghiệp của người thầy thuốc thông qua năng lực chuyên môn vững vàng, tinh thần trách nhiệm xã hội, tác phong chuyên nghiệp, lối sống lành mạnh và văn hóa giao tiếp chuẩn mực; góp phần củng cố niềm tin của cộng đồng đối với ngành y.

30. Tiêu chí 12.3. Chủ động phát hiện, phản ánh và báo cáo các hành vi vi phạm chuyên môn, hành nghề hoặc đạo đức nghề nghiệp theo đúng quy định pháp luật; đồng thời chịu trách nhiệm về tính trung thực và khách quan của các thông tin đã báo cáo.

Lĩnh vực 5. Học tập và cải thiện dựa trên thực hành (Practice-Based Learning and Improvement)

Vận dụng y học chứng cứ trong khám bệnh, đánh giá và cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh, tiếp thu sử dụng các bằng chứng khoa học, học tập suốt đời để cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh.

Tiêu chuẩn 13. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin dựa trên nguyên tắc của y học chứng cứ trong hành nghề y khoa

31. Tiêu chí 13.1. Thu thập và vận dụng các nguồn thông tin y học đáng tin cậy nhằm hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng điều trị.

32. Tiêu chí 13.2. Quản lý, khai thác và hồi cứu hồ sơ bệnh án, tài liệu lưu trữ một cách chính xác, đầy đủ; bảo đảm tính pháp lý và bảo mật thông tin.

Tiêu chuẩn 14. Phản tỉnh (tự hoàn thiện), phát triển năng lực chuyên môn liên tục và hướng dẫn cho người khác

33. Tiêu chí 14.1. Tự đánh giá điểm mạnh, hạn chế và giới hạn chuyên môn; chủ động học tập suốt đời và phát triển chuyên môn liên tục dựa trên bằng chứng khoa học nhằm cải tiến chất lượng khám chữa bệnh y học cổ truyền.

34. Tiêu chí 14.2. Chủ động tham gia đào tạo, hướng dẫn thực hành và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn nhằm nâng cao năng lực cho đồng nghiệp và người học.

Lĩnh vực 6. Thực hành dựa trên hệ thống và lãnh đạo (Systems-Based Practice and Leadership)

Vận dụng chính sách, quy trình và nguồn lực trong chăm sóc sức khỏe; tham gia quản lý, điều phối và cải thiện môi trường thực hành nâng cao sức khỏe

cộng đồng; góp phần xây dựng hệ thống y tế đáp ứng công tác chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

Tiêu chuẩn 15. Thích ứng, phối hợp hiệu quả các nguồn lực của hệ thống và truyền thông sức khỏe

35. Tiêu chí 15.1. Phân tích và vận hành hiệu quả trong hệ thống y tế; xác định rõ vai trò của y học cổ truyền trong mạng lưới chăm sóc sức khỏe.

36. Tiêu chí 15.2. Triển khai tư vấn, truyền thông và giáo dục sức khỏe nhằm thúc đẩy lối sống lành mạnh cho cá nhân và cộng đồng.

37. Tiêu chí 15.3. Khai thác hiệu quả các công cụ đa phương tiện và nền tảng số nhằm truyền tải thông tin y tế chính xác, phù hợp và có trách nhiệm.

Tiêu chuẩn 16. Lãnh đạo, điều hành và cải thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe

38. Tiêu chí 16.1. Vận dụng kiến thức về hệ thống y tế và kinh tế y tế nhằm tối ưu hóa nguồn lực và phân tích hiệu quả chi phí - lợi ích trong chăm sóc sức khỏe.

39. Tiêu chí 16.2. Tham gia điều phối chăm sóc sức khỏe liên ngành và thúc đẩy các hoạt động cải thiện hệ thống dựa trên bằng chứng khoa học.

Tiêu chuẩn 17. Quản lý chất lượng và an toàn người bệnh

40. Tiêu chí 17.1. Vận dụng các nguyên lý quản lý rủi ro; tham gia đánh giá, giám sát và cải tiến chất lượng bệnh viện nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

41. Tiêu chí 17.2. Triển khai các biện pháp nhận diện, phòng ngừa và giảm thiểu sai sót y khoa; góp phần xây dựng văn hóa an toàn người bệnh theo tiếp cận hệ thống./.